

Số: /BC-UBND

Long An, ngày tháng 10 năm 2019

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2019

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đã đề ra, các ngành, các cấp và nhân dân trong tỉnh đã tập trung thực hiện phát huy những mặt thuận lợi, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn và đạt được kết quả khả quan.

#### A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

##### I. Nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao từ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi liên thông từ Văn phòng Chính phủ

- Trong tháng 9/2019 số nhiệm vụ giao: 01

- 9 tháng đầu năm 2019 (đến ngày 25/9/2019), có 87 nhiệm vụ. Trong đó:

+ Nhiệm vụ hoàn thành: 22.

+ Nhiệm vụ hoàn thành trễ hạn: 05 (01 nhiệm vụ của tháng 3, 01 nhiệm vụ của tháng 4, 02 nhiệm vụ của tháng 5, 01 nhiệm vụ của tháng 9).

+ Nhiệm vụ chưa hoàn thành: không có.

+ Nhiệm vụ tiếp tục thực hiện: 65 (trong hạn).

**\*Đánh giá chung:** UBND tỉnh hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong 9 tháng đầu năm 2019 (hoàn thành trễ hạn 05 nhiệm vụ), tuy nhiên thời gian trễ hạn không nhiều.

##### II. Nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở ngành, địa phương

##### 1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm tại Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 14/01/2018 của UBND tỉnh:

9 tháng đầu năm 2019, nhiệm vụ trọng tâm theo Quyết định 177/QĐ-UBND đã hoàn thành 84/134 nhiệm vụ, trong đó hoàn thành trễ hạn 03/84 nhiệm vụ, tiếp tục thực hiện 50/134 nhiệm vụ (trong hạn).

##### 2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khác:

9 tháng đầu năm 2019 tổng số nhiệm vụ: 5.964 nhiệm vụ.

+ Đã hoàn thành: 5.247/5.964 nhiệm vụ (trong đó: đúng hạn là 5.176/5.964 nhiệm vụ, tỷ lệ 98,6%; trễ hạn 71/5.964 nhiệm vụ, tỷ lệ 1.4%).

+ Đang tiếp tục thực hiện: 717 nhiệm vụ (trong hạn).

*(đính kèm Bảng tổng hợp các nhiệm vụ UBND tỉnh giao cho các sở, ngành, địa phương thực hiện 8 tháng đầu năm 2019)*

## **B. KẾT QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

### **I. Về kinh tế**

#### *1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản*

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, đạt kết quả tích cực. Diện tích lúa được thực hiện theo kế hoạch, sản lượng tăng so với cùng kỳ. Các cây trồng chủ lực của tỉnh phát triển tương đối khá. Tăng cường kiểm tra độ mặn, thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, ảnh hưởng của nắng nóng, khuyến cáo kịp thời để người dân chủ động trong sản xuất. Tình hình sâu bệnh trên lúa phát sinh tuy nhiên các ngành, các cấp đã chủ động phối hợp nông dân phòng và trị bệnh. Dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được kiểm soát chặt chẽ, kịp thời phát hiện và xử lý bệnh dịch trên gà, heo không để lây lan trên diện rộng; tập trung thực hiện tốt các giải pháp cấp bách về phòng, chống bệnh dịch tả heo Châu Phi. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển. Công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại tìm đầu ra cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh tiếp tục được quan tâm, triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức như tổ chức hội chợ, hội thảo kết nối cung cầu trong tỉnh, ngoài tỉnh, nước ngoài, giá các mặt hàng nông sản cơ bản ổn định. Chương trình đầu tư xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm thực hiện, theo lộ trình đề ra, đã công nhận thêm 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Chương trình đột phá của tỉnh về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục được tăng cường thực hiện, trong đó tập trung theo dõi, đôn đốc nhân rộng các mô hình điểm trên 03 cây, 01 con gắn với tăng cường hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất, đạt được hiệu quả.

a) Tổng diện tích lúa đã gieo cấy là 493.943 ha, đạt 98,1% kế hoạch, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2018. Diện tích thu hoạch 463.528 ha, năng suất (khô) bình quân ước đạt 5,52 tấn/ha, sản lượng 2.560.559 tấn, đạt 93,1% kế hoạch, tăng 6,5% so với cùng kỳ<sup>1</sup>. Lúa chất lượng cao ước đạt 1.300.000 tấn, đạt 96% kế hoạch, tăng 100.000 tấn so với cùng kỳ.

- Tình hình xây dựng “cánh đồng lớn”: Vụ Đông xuân 2018/2019 có 27 doanh nghiệp ký kết hợp đồng liên kết xây dựng 115 lượt cánh đồng, 3.605 hộ tham gia; diện tích thu hoạch 10.902,5 ha, tuy nhiên diện tích thu mua chỉ đạt 7.805,8 ha, chiếm 71,6% so với đăng ký<sup>2</sup>; năng suất lúa tươi trung bình ước đạt 6,5 tấn/ha với sản lượng 70.866 tấn; giá lúa doanh nghiệp thu mua cao hơn so với thị trường từ 100 – 200 đồng/kg. Vụ hè thu năm 2019 có 26 doanh nghiệp ký kết hợp đồng liên kết xây dựng cánh đồng lớn với 94 lượt cánh đồng, đăng ký diện tích 7.905,8 ha, 2.703 hộ tham gia. Đến nay đã thu hoạch 7.770 ha. Các doanh

---

<sup>1</sup> Lúa mùa 2019: Diện tích gieo sạ 2.074 ha; đã thu hoạch với diện tích 2.068 ha, năng suất khô đạt 37,2 tạ/ha, sản lượng 7.693 tấn, mất trắng 6 ha ở huyện Cần Giuộc. Lúa Đông xuân 2018 - 2019 đã thu hoạch với diện tích 231.968, năng suất khô ước đạt 63,4 tạ/ha, sản lượng 1.471.342 tấn. Lúa Hè thu 2019 đã gieo sạ 221.936 ha, đạt 100,2 % so với kế hoạch, bằng 99,2 % so với cùng kỳ năm 2018, đã thu hoạch 213.784 ha, năng suất khô ước đạt 47,3 tạ/ha, sản lượng 1.011.875 tấn. Lúa Thu đông 2019 đã gieo sạ 37.965 ha, đạt 80,4 % so với kế hoạch, bằng 99,6 % so với cùng kỳ năm 2018.

<sup>2</sup> Doanh nghiệp chưa thỏa thuận được với người dân.

nghiệp đã thu mua diện tích 5.101,8 ha, năng suất (tươi) ước đạt 6,85 tấn/ha. Diện tích thu hoạch còn lại nông dân bán ra ngoài<sup>3</sup>.

- *Cây mía niên vụ 2018/2019*: Diện tích trồng ước đạt 4.469 ha, đạt 78% kế hoạch, bằng 57,7% so với cùng kỳ; năng suất đạt 60,42 tấn/ha, sản lượng đạt 270.046 tấn; diện tích mía giảm mạnh do chuyển sang trồng lúa, mỳ và cây ăn quả, diện tích giảm do giá thu mua nguyên liệu quá thấp<sup>4</sup> và không có người mua. *Cây bắp*: Diện tích trồng 749 ha, đạt 57,6% kế hoạch, bằng 57,6% so với cùng kỳ; năng suất đạt 5,18 tấn/ha, sản lượng đạt 3.879 tấn. *Đậu phộng*: Diện tích gieo trồng là 808 ha, đạt 26,9% kế hoạch, bằng 27,6% so với cùng kỳ; diện tích trồng giảm do mưa, không thể xuống giống; năng suất đạt 3,1 tấn/ha, sản lượng đạt 2.528 tấn. *Rau các loại*: Diện tích trồng 12.128 ha, đạt 89,8% kế hoạch, bằng 98,8% so với cùng kỳ; năng suất thu hoạch đạt 17,82 tấn/ha, sản lượng 216.187 tấn<sup>5</sup>. *Khoai mỡ*: Diện tích trồng 3.191 ha, đạt 102,9% kế hoạch, bằng 100% so với cùng kỳ chủ yếu ở huyện Thanh Hóa; năng suất ước đạt 12,53 tấn/ha, sản lượng 39.983 tấn. *Cây chanh*: Diện tích trồng là 9.559 ha, đạt 91% kế hoạch, bằng 102,9% so với cùng kỳ; diện tích chanh cho trái là 8.388 ha; sản lượng 95.986 tấn. *Cây thanh long*: Diện tích trồng là 11.680 ha, đạt 108,1% kế hoạch, bằng 112,8% so với cùng kỳ, diện tích cho trái khoảng 9.566 ha, tập trung chủ yếu ở huyện Châu Thành; sản lượng 197.942 tấn.

- Trong 9 tháng đầu năm 2019, tình hình tiêu thụ lúa không thuận lợi, một số doanh nghiệp hợp đồng bao tiêu Cánh đồng lớn không mua hết sản lượng lúa theo hợp đồng; giá lúa, nếp tươi bán tại ruộng giảm mạnh từ 600-1.200 đồng/kg so với cùng kỳ. Các loại nông sản khác tiêu thụ không thuận lợi so với các niên vụ trước, giá bán thấp hơn so với cùng kỳ như mía, chanh, thanh long ruột đỏ,...<sup>6</sup>.

b) Tỉnh đang khuyến khích người chăn nuôi chuyển từ chăn nuôi nhỏ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, duy trì chăn nuôi hộ nhưng theo hình thức bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, khuyến khích hình thức liên kết theo chuỗi giá trị làm giảm chi phí, nâng cao giá trị gia tăng, đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

---

<sup>3</sup> Nguyên nhân: Một số bà con tự ý lấy cọc bên ngoài khi chưa tới thời điểm chốt giá thu mua theo hợp đồng. Một số trường hợp nông dân sau khi ký biên bản chốt giá thu mua với Công ty nhưng khi thương lái vào trả giá cao hơn đã bán ngoài.

<sup>4</sup> Giá mía tại ruộng khoảng 40.000 – 50.000 đồng/tấn.

<sup>5</sup> Trong đó, dưa hấu: Diện tích trồng 3.449 ha, năng suất thu hoạch 235 tạ/ha, sản lượng 80.889 tấn.

<sup>6</sup> Giá lúa IR 50404 từ 4.500 – 4.700 đồng/kg; giá lúa OM các loại (OM 4900, OM 6976,...) từ 4.500 – 4.900 đồng/kg; lúa VD20 có giá từ 5.700 – 6.500 đồng/kg; lúa RVT giá từ 5.400 – 6.500 đồng/kg; giá nếp từ 5.000 – 5.400 đồng/kg. Nông dân có lãi ước từ 13 – 17 triệu đồng/ha/vụ, thấp hơn 2 – 4 triệu đồng/ha/năm so với vụ Đông xuân năm 2017/2018. Giá mía duy trì ở mức thấp, giá mía tại ruộng khoảng 40.000 – 50.000 đồng/tấn, giảm 110.000 – 150.000 đồng/tấn nên diện tích mía ngày càng giảm. Giá chanh có hạt từ 7.000 – 15.000 đồng/kg, thấp hơn 3.000 – 10.000 đồng/kg so với cùng kỳ; chanh không hạt từ 10.000 – 20.000 đồng/kg, thấp hơn 5.000 – 10.000 đồng/kg. Giá thanh long ruột trắng 7.000 – 15.000 đồng/kg, ổn định so với cùng kỳ; riêng giá thanh long ruột đỏ từ 10.000 – 40.000 đồng/kg, thấp hơn 10.000 – 20.000 đồng/kg so với cùng kỳ.

Công tác kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh, tiêm phòng vắc-xin trên gia súc, cúm gia cầm được tập trung thực hiện; đã phát hiện 04 ổ dịch gia cầm, gia súc trên các địa bàn huyện Cần Giuộc, Cần Đức, Tân Trụ và thành phố Tân An<sup>7</sup>; đã triển khai các biện pháp dập dịch, không chế kịp thời không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng; đến nay, tình hình dịch bệnh đã ổn định. Đối với bệnh tả heo Châu Phi, tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo của tỉnh về phòng, chống bệnh Dịch tả heo Châu Phi<sup>8</sup> và ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 06/3/2019 về việc triển khai đồng bộ các giải pháp cấp bách không chế bệnh Dịch tả heo Châu Phi; tính đến ngày 23/9/2019, bệnh DTHCP đã được phát hiện tại 1.843 hộ, thuộc 560 ấp/khu phố, 166 xã/phường của 15 huyện, thị xã, thành phố. Tổng số heo bệnh và tiêu hủy 46.791 con, tổng trọng lượng tiêu hủy 2.876.842,8 kg, ước kinh phí hỗ trợ tiêu hủy heo trên 86 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm, giá gà, vịt tăng so với cùng kỳ, trong khi giá heo giảm so với cùng kỳ<sup>9</sup>.

c) Diện tích rừng của tỉnh là 22.562,1 ha, bao gồm: Rừng sản xuất 18.351,67 ha; rừng đặc dụng 1.961,44 ha; rừng phòng hộ 1.977,26 ha. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, đẩy mạnh trồng cây phân tán để tăng độ che phủ; 9 tháng đầu năm 2019, đã trồng 332,73 ha rừng và 868.022 cây phân tán các loại; chăm sóc, bảo vệ 22.562 ha rừng; khai thác 26.990 m<sup>3</sup> và 8.637 ster củi. Công tác phòng chống cháy rừng được tăng cường, thực hiện kế hoạch bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng mùa khô năm 2019; từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra 11 vụ cháy rừng, các vụ cháy do được phát hiện sớm và dập tắt kịp thời nên chỉ có 02 vụ cháy gây thiệt hại 6,7 ha rừng tràm của hộ gia đình, cá nhân.

d) Tập trung chỉ đạo khung thời vụ nuôi tôm, thực hiện quan trắc môi trường nước vùng nuôi nhằm khuyến cáo kịp thời đến người nuôi. Tăng cường công tác kiểm dịch giống thủy sản tại cơ sở sản xuất giống và giống thủy sản nhập vào tỉnh; triển khai giám sát bệnh thủy sản tại vùng nuôi trồng thủy sản. Đến ngày 17/9/2019, toàn tỉnh thả nuôi tôm nước lợ với diện tích 5.033,7 ha, đạt 76,3% kế hoạch, bằng 90,3% so với cùng kỳ<sup>10</sup>. Diện tích thu hoạch là 3.907,7 ha, năng suất bình quân ước 2,3 tấn/ha, sản lượng là 9.169,5 tấn, đạt 76,2% kế hoạch, tăng 13,3% so với cùng kỳ<sup>11</sup>. Đến nay diện tích nuôi tôm bị thiệt hại là 150,9 ha,

---

<sup>7</sup> 01 ổ xảy ra dịch Cúm gia cầm H5N1 tại xã Long Sơn, huyện Cần Đức trên tổng đàn 6.675 con gia cầm; 01 ổ dịch tả gà (Newcastle) với tổng đàn là 6.000 con gà tại xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc phát hiện; 01 ổ dịch lở mồm long móng tại khu phố Xuân Hòa 2, Phường 6, thành phố Tân An, tổng đàn 26 con (gồm 02 heo nái, 02 heo thịt và 22 heo con); 01 ổ dịch bệnh Tai xanh và Dịch tả heo cổ điển tại Ấp 1, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tổng đàn 29 con heo.

<sup>8</sup> Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 06/3/2019.

<sup>9</sup> Giá sản phẩm gia cầm và bò tương đối ổn định cao hơn so với năm 2018, giá thịt bò hơi duy trì ở mức 92.000 -93.000 đồng/kg; giá gà công nghiệp lông màu 41.500 - 42.500 đồng/kg; giá gà công nghiệp lông trắng 30.000 đồng/kg. Sau một thời gian dài duy trì ở mức thấp từ tháng 9/2018 giá heo bắt đầu tăng mạnh khoảng 49.000 – 51.000 đồng/kg. Tuy nhiên từ đầu tháng 3/2019 do ảnh hưởng của thông tin Dịch tả heo Châu Phi xâm nhập vào Việt Nam gây ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng, làm giá heo hơi giảm mạnh xuống còn 28.000 - 32.000 đồng/kg. Hiện nay, giá heo hơi đã tăng lại từ 36.000 – 40.000 đồng/kg.

<sup>10</sup> Tôm sú: 780,9 ha; tôm thẻ chân trắng: 4.252,8 ha.

<sup>11</sup> Tôm sú: DT thu hoạch 509,3 ha, năng suất 1,4 tấn/ha, sản lượng 738,2 tấn; tôm thẻ chân trắng: DT thu hoạch 3.398,4 ha, năng suất 2,5 tấn/ha, sản lượng 8.431,3 tấn.

chiếm 3% so với diện tích thả nuôi, nguyên nhân do bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy cấp, sốc môi trường. Trong 9 tháng đầu năm, mặc dù giá tôm thương phẩm tương đối thấp, nhưng dịch bệnh ít xảy ra, đa số người dân thu hoạch tôm đúng tuổi đạt năng suất. Nhìn chung, nông dân có lãi từ 100 – 200 triệu đồng/ha<sup>12</sup>.

Nuôi thủy sản nước ngọt: Diện tích thả nuôi toàn tỉnh là 1.933,1 ha, đạt 75,2 % kế hoạch, bằng 101,5% so với cùng kỳ và 7.500 m<sup>3</sup>, bằng 76,5% so với cùng kỳ; đã thu hoạch 1.572 ha và 6.000 m<sup>3</sup>, với sản lượng 25.746,5 tấn. Tổng diện tích ương cá tra giống trên địa bàn toàn tỉnh đến nay khoảng 3.464,48 ha<sup>13</sup>; trong 03 tháng đầu năm giá cá tra giống bán 35.000-45.000 đồng/kg người dân nuôi có lãi cao; tuy nhiên, hiện nay giá cá tra giống giảm nhiều bán 18.000-20.000 đồng/kg nên số người dân ương cá bị lỗ; tại một số địa phương người dân đã treo ao, cải tạo lại ao nuôi, xử lý triệt để mầm bệnh, có một vài hộ ương thất bại nên san lấp đất ao nuôi cá để trở về đất trồng lúa.

đ) Về xây dựng nông thôn mới: Ban hành Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 về kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 và Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 phân bổ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm 2019, đã công nhận thêm 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 77 xã đạt chuẩn NTM, chiếm 46,3% tổng số xã toàn tỉnh. Số tiêu chí đạt bình quân/xã của toàn tỉnh đạt là 15,2 tiêu chí/xã. Đã hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định công nhận huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới; đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định thành phố Tân An hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

## 2. Công nghiệp xây dựng duy trì phát triển.

a) Sản xuất công nghiệp: Các chỉ số về công nghiệp tăng khá so với cùng kỳ; phần lớn các nhóm sản phẩm công nghiệp chủ yếu có sản lượng tăng. Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2019 ước tăng 15,24% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 16,03%). Số lượng các nhóm ngành sản phẩm công nghiệp là 75 nhóm, trong đó 55/75 nhóm có tốc độ tăng so với cùng kỳ và 20/75 nhóm giảm so với cùng kỳ<sup>14</sup>. Hiện có 03 nhà máy năng lượng mặt trời đi vào hoạt động, đã phát điện được 54,4 triệu kWh.

---

<sup>12</sup> Giá tôm thẻ chân trắng: Cỡ 60 - 70 con/kg, giá từ 80.000 - 90.000 đồng/kg, giảm 10.000 - 15.000 đồng/kg so với cùng kỳ; cỡ 100 - 110 con/kg, giá từ 65.000 - 75.000 đồng/kg, giảm 10.000 đồng/kg. Tôm sú: Cỡ 40 - 50 con/kg, giá từ 190.000 - 200.000 đồng/kg, giảm 10.000 - 15.000 đồng/kg; cỡ 70 - 80 con/kg, giá từ 100.000 - 120.000 đồng/kg, tương đương so với cùng kỳ.

<sup>13</sup> Huyện Tân Hưng (1.799,32 ha), Tân Thạnh (1.294,96 ha), Vĩnh Hưng (149,5 ha), Thạnh Hóa (84,3 ha), Mộc Hóa (86 ha) và thị xã Kiến Tường (50,4 ha)

<sup>14</sup> Một số sản phẩm công nghiệp tăng chủ yếu: Gạch xây dựng; sơn tường; sản phẩm gỗ; vải thành phẩm; sản phẩm nhựa; sắt - thép thành phẩm; chỉ sợi các loại; điện thương phẩm; nước khoáng; Các ngành giảm tập trung chủ yếu là sản xuất thức ăn gia súc, bia đóng chai, vải dệt từ sợi tổng hợp, may mặc cho người lớn không dệt kim, dịch vụ in ấn, sản xuất dược liệu, sản xuất cấu kiện xi măng, sản xuất sắt thép bán thành phẩm, sắt thép dạng cuộn, sản xuất thiết bị bán dẫn ....

b) *Đầu tư xây dựng cơ bản*: Được triển khai theo kế hoạch đề ra; Chương trình huy động mọi nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ phát triển công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm và 03 công trình trọng điểm của Nghị quyết đại hội Đảng bộ lần thứ X tiếp tục được tập trung, đẩy nhanh tiến độ thực hiện: Công trình ĐT 830 (đoạn từ Bến Lức đến Cảng Long An) đang triển khai thi công; Đường Vành đai thành phố Tân An đang tập trung thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, đang chuẩn bị các bước để khởi công đoạn từ Quốc lộ 1A đến ĐT 827A; Trục động lực Tiền Giang-Long An-Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện đồ án quy hoạch và phương án đầu tư. Đối với 14 công trình giao thông tại Chương trình huy động mọi nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ phát triển công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm: Đã hoàn thành 07 công trình, 05 công trình đang triển khai thi công và 02 công trình làm thủ tục để triển khai thi công (Đường Lương Hòa-Bình Chánh và Đường Tân Tập-Long Hậu+Áp 3 -Long Hậu và cầu Bắc qua sông Cần Giuộc, nhánh nối vào cầu Rạch Dơi).

Đẩy mạnh triển khai thực hiện đấu thầu qua mạng bảo đảm chỉ tiêu năm đã đề ra. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngay từ đầu năm khi khối lượng đủ điều kiện thanh toán, đồng thời thường xuyên giám sát tiến độ thực hiện để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh<sup>15</sup>; tiến độ thực hiện và giải ngân các công trình đạt khá so với kế hoạch, tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 phân bổ cho các dự án là 4.655,621 tỷ đồng; trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản của tỉnh quản lý là 3.360,7 tỷ đồng; giá trị khối lượng thực hiện đến hết tháng 9 năm 2019 khoảng 2.210,2 tỷ đồng, đạt 65,8% kế hoạch (cùng kỳ khối lượng thực hiện đạt 87,2% kế hoạch); giá trị giải ngân khoảng 2.060,6 tỷ đồng, đạt 61,3% kế hoạch (cùng kỳ giải ngân đạt 77,8% kế hoạch).

Nguyên nhân tỷ lệ giải ngân thấp so với kế hoạch và so với cùng kỳ là do năm 2019 các công trình khởi công mới bắt đầu thực hiện công tác đấu thầu qua mạng nên các chủ đầu tư còn lúng túng trong những tháng đầu năm nên chưa có khối lượng nhiều, một số nguồn vốn được giao vào cuối tháng 5 (vốn tạm ứng ngân quỹ Trung ương hoán đổi thành vốn xây dựng cơ bản tập trung), giữa tháng 7 (vốn vượt thu tiền sử dụng đất) và cuối tháng 7 (vốn ODA) nên các chủ đầu tư mới bắt đầu triển khai các thủ tục để thực hiện và giải ngân, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2019 chưa giải ngân do chủ đầu tư ưu tiên tập trung giải ngân trước kế hoạch vốn Trái phiếu Chính phủ năm 2018 kéo dài, dự án sử dụng vốn ODA (Kè sông Vàm Cỏ Tây phườn 5) làm thủ tục bồi thường giải phóng mặt bằng chậm, các dự án ODA khác mới phân bổ nên chưa giải ngân được.

- Vốn xây dựng cơ bản phân bổ cho huyện quản lý là 1.294,9 tỷ đồng; giá trị khối lượng thực hiện và giải ngân 777,3 tỷ đồng, đạt 60% kế hoạch, (cùng kỳ khối lượng thực hiện và giải ngân đạt 54,3% kế hoạch). Nguyên nhân tỷ lệ giải

---

<sup>15</sup> Tỉnh đã ban hành Văn bản số 1182/UBND-KTTC ngày 22/3/2019 và văn bản số 1783/UBND-KT ngày 23/4/2019 chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngay từ đầu năm

ngân thấp so với kế hoạch do các địa phương thực hiện chậm các dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và vốn xổ số kiến thiết cho nông thôn mới.

*c) Thu hút đầu tư trong và ngoài nước:* Công tác xúc tiến thu hút đầu tư tiếp tục được tỉnh quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư, khởi nghiệp. Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp để tạo thêm quỹ đất thu hút đầu tư; tăng cường rà soát các dự án đầu tư; chấn chỉnh tình trạng đầu tư không phép; triển khai thực hiện Nghị định số 30 của Chính phủ về đầu chọn nhà đầu tư; triển khai ký quỹ đầu tư; đặc biệt là tập trung thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, tái định cư. Tập trung hỗ trợ, phối hợp với nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm tại các huyện Đức Hòa, Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc và thành phố Tân An... đặc biệt là các thủ tục về quy hoạch xây dựng, đất đai, đầu tư. Trong 9 tháng đầu năm, số doanh nghiệp và vốn đăng ký thành lập mới tăng so với cùng kỳ, dự án đầu tư trong nước tăng về số lượng dự án và số vốn đăng ký, trong khi dự án đầu tư nước ngoài tăng về số dự án nhưng giảm về số vốn đăng ký.

- Đầu tư trong nước: Từ đầu năm đến nay, thành lập mới 1.216 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 16.406 tỷ đồng, tăng 12% về số doanh nghiệp và tăng 14% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ<sup>16</sup>; đã giải thể 137 doanh nghiệp, giảm 5% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh 174 doanh nghiệp, tăng 15% so với cùng kỳ. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 11.210 doanh nghiệp được đăng ký thành lập với tổng vốn đăng ký 290.495 tỷ đồng. Ước 9 tháng đầu năm 2019, cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 167 dự án với số vốn đăng ký 19.700 tỷ đồng, tăng 54 dự án và vốn đăng ký tăng 4.324 tỷ đồng so với cùng kỳ. Đến nay có 1.907 dự án đầu tư trong nước được cấp phép với số vốn đăng ký 215.683 tỷ đồng.

- Đầu tư nước ngoài: Ước 9 tháng đầu năm, cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 99 dự án, tổng vốn đăng ký là 303,4 triệu USD, tăng 38 dự án và giảm 03 triệu USD vốn đầu tư so với cùng kỳ. Đến nay tổng số dự án đăng ký trên địa bàn tỉnh là 1.002 dự án, vốn đăng ký là 6.149 triệu USD; trong đó có 576 dự án đi vào hoạt động, chiếm 57,4% tổng số dự án đăng ký, với tổng vốn thực hiện khoảng 3.614 triệu USD, đạt 58,7% tổng vốn đăng ký.

- Tiếp tục công tác rà soát tiến độ các dự án đầu tư: Lũy kế từ đầu năm đến nay, đã thu hồi 11 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn 40 triệu USD và chấm dứt hoạt động 29 dự án trong nước, vốn 1.899 tỷ đồng, diện tích 329 ha.

*d) Tình hình phát triển khu, cụm công nghiệp:*

- Đối với khu công nghiệp: Từ đầu năm 2019, diện tích đất công nghiệp lấp đầy tăng thêm là 46,38 ha<sup>17</sup>. Toàn tỉnh hiện có 16 khu công nghiệp đang hoạt động với diện tích 2.258,04 ha, tỷ lệ lấp đầy khoảng 85,27%. Các khu công nghiệp đã thu hút được 1.511 dự án đầu tư, trong đó có 722 dự án đầu tư nước

---

<sup>16</sup> Có 812 doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp với số vốn đăng ký: 2.774 tỷ đồng và 33 doanh nghiệp nằm trong cụm công nghiệp với số vốn đăng ký: 419 tỷ đồng.

<sup>17</sup> Tính đến ngày 20/9/2019

ngoài với tổng vốn đầu tư 4.140,97 triệu USD và 789 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 83.637,36 tỷ đồng. Đối với khu kinh tế cửa khẩu có 02 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư 75 triệu USD, diện tích 21,2 ha và 02 dự án đầu tư trong nước với diện tích thuê đất là 0,66 ha.

- Đối với cụm công nghiệp: Từ đầu năm, không có tiếp nhận dự án thứ cấp mới. Hiện có 22 cụm công nghiệp đang hoạt động với tỷ lệ lấp đầy đạt 86,55%. Lũy kế, các cụm công nghiệp hoạt động thu hút 544 dự án với tổng vốn đầu tư 15.635,4 tỷ đồng, trong đó có 60 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI với tổng vốn đầu tư 209,6 triệu USD, diện tích đất cho thuê 586,65 ha. Trong 9 tháng đầu năm 2019, đã ban hành Quyết định thành lập 05 CCN mới với diện tích 196,3 ha, vốn đầu tư đăng ký 2.382,1 tỷ đồng. Lũy kế, đã có 57 CCN đã có chủ trương đầu tư hạ tầng với tổng diện tích 2.839,5 ha và tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 22.691 tỷ đồng.

### 3. Thương mại, dịch vụ

Trong 9 tháng đầu năm 2019, tình hình thương mại dịch vụ của tỉnh vẫn duy trì với mức tăng trưởng tương đối ổn định. Thị trường hàng hóa dồi dào và phong phú, đa dạng về mẫu mã cũng như chủng loại, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng; nhiều cửa hàng tiện lợi được đưa vào hoạt động phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân như chuỗi Cửa hàng Bách Hóa xanh, Vinmart, San Hà<sup>18</sup>... Công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường được tập trung thực hiện, nhiều chương trình kết nối cung cầu được doanh nghiệp, hợp tác xã tích cực tham gia quảng bá các nông sản của tỉnh vào siêu thị, chợ đầu mối, nhất là các doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh để tiêu thụ, bao tiêu nông sản của tỉnh và xuất khẩu<sup>19</sup>. Công tác kiểm tra thị trường, chống buôn lậu gian lận thương mại, hàng giả được tập trung.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 9 tháng đầu năm 2019 66.898,3 tỷ đồng, đạt 75,4% kế hoạch, tăng 14,9% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 15,9%). Chỉ số giá tiêu dùng tháng 8 tăng 0,19% so với tháng trước, tăng 1,37% so với tháng 12 năm trước và tăng 2,5% so với cùng kỳ. Bình quân 8 tháng năm 2019 tăng 2,96% so với cùng kỳ<sup>20</sup>. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 4,46 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 17,9%)<sup>21</sup>. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 3,27 tỷ USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 7,5%).

---

<sup>18</sup> Đã có 34 cửa hàng Bách Hóa xanh, 03 cửa hàng của công ty San Hà, 05 cửa hàng Vinmart đi vào hoạt động trên địa bàn các huyện, thị, thành phố của tỉnh phục vụ nhu cầu mua sắm tiêu dùng của người dân.

<sup>19</sup> Tổ chức: Đoàn kết nối tiêu thụ hàng hóa tại chợ đầu mối Dầu Giây tỉnh Đồng Nai, siêu thị Tứ Sơn (An Giang), Siêu thị Thiên Đường (Đồng Nai), Bách Hóa Xanh, kết nối tiêu thụ hàng hóa vào các Bếp ăn tập thể, kết nối với DN tại Tây Ninh; kết nối doanh nghiệp Việt Nam với các hệ thống phân phối nước ngoài tại Bến Tre, hỗ trợ DN tham gia Hội nghị kết nối cung cầu giữa TPHCM và các tỉnh thành năm 2019...

<sup>20</sup> Có 06/11 nhóm mặt hàng tăng giá so với tháng trước gồm: Thuốc và dịch vụ y tế tăng 2,69%; Giáo dục tăng 0,23%; Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,13%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,02%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,01%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,27%. Có 04/11 nhóm giảm gồm May mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,01%; Thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,02%; Giao thông giảm 0,49%. Văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,03%. Có nhóm hàng ổn định là Bưu chính viễn thông.

<sup>21</sup> Trong đó xuất khẩu chủ yếu: Gạo ước 490 ngàn tấn, 208,8 triệu USD tăng 21% về lượng và tăng 2,8% về giá trị so với cùng kỳ; hạt điều đạt 52,7 triệu USD, giảm 29,7%; thủy sản đạt 168,2 triệu USD, tăng 12,4%; giày da



Từ đầu năm đến nay, các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo đã mua khoảng 923.000 tấn quy lúa, tăng 7,7% so với cùng kỳ. Tình hình xuất khẩu gạo các tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn, giảm mạnh ở các thị trường như Trung Quốc, Indonesia, Bangladesh, sau đó nhu cầu từ tháng 4/2019 có chiều hướng tăng lại, nhất là thị trường Châu Phi, Philipines nên giá cả có xu hướng tăng trở lại. Tuy nhiên so với cùng kỳ giá lúa gạo vẫn giảm mạnh, ngoại trừ giá nếp tăng.

#### 4. Tài chính tín dụng

Công tác thu ngân sách được tập trung chỉ đạo từ đầu năm, đạt kết quả tốt. Hoạt động tín dụng ổn định, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát.

a) *Tài chính, ngân sách*: Trong 9 tháng đầu năm 2019, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 13.436 tỷ đồng, đạt 98,2% so với dự toán Trung ương, đạt 97,8% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, đạt 92,5% dự toán phân đầu và tăng 26,2% so với cùng kỳ; trong đó thu nội địa 10.698 tỷ đồng, đạt 92% so với dự toán Trung ương, đạt 91,5% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, đạt 85,8% dự toán phân đầu và tăng 17,9% so với cùng kỳ (riêng thu xổ số kiến thiết là 1.340 tỷ đồng, đạt 103% so với dự toán Trung ương và dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, đạt 95,7% dự toán phân đầu và tăng 19,3% so với cùng kỳ); thu thuế xuất nhập khẩu 2.427 tỷ đồng, đạt 17,9% so với dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 54,6% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương trong tháng 9 đầu năm đạt 9.354 tỷ đồng, đạt 80,7% so với dự toán Trung ương, đạt 80,2% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 15,1% so với cùng kỳ; trong đó chi đầu tư phát triển 3.480 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ; chi thường xuyên 5.128 tỷ đồng, đạt 68,2% so với dự toán Trung ương, đạt 68,4% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3,2% với so cùng kỳ.

b) *Tín dụng*: Tổng nguồn vốn hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt 106.124 tỷ đồng, tăng 11,9% so với đầu năm. Nguồn vốn huy động đạt 65.434 tỷ đồng, chiếm 61,6% trong tổng nguồn vốn hoạt động toàn địa bàn, tăng 8,2% so với đầu năm. Tổng dư nợ đạt 69.169 tỷ, tăng 11,8% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu của các tổ chức tín dụng chiếm 0,57% (theo định hướng của NHNN Việt Nam phân đầu đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng xuống dưới 2%).

#### 5. Tình hình hợp tác xã, tổ hợp tác

Trong 9 đầu năm 2019, Hợp tác xã góp phần làm cho hiệu quả sản xuất, thu nhập của người dân tăng, tăng giá trị hàng hóa nông nghiệp xuất khẩu nhờ hàng hóa có xuất xứ, có thương hiệu; tuy nhiên hoạt động của các hợp tác xã hiện còn nhiều khó khăn, hạn chế chủ yếu từ những nguyên nhân như thiếu vốn, khó khăn về giá cả tiêu thụ, năng lực quản lý, điều hành của Ban quản lý hợp tác xã còn hạn chế.

- *Hợp tác xã*: Toàn tỉnh có tổng cộng 218 hợp tác xã trong đó có 204 hợp tác xã<sup>(22)</sup> đang hoạt động và 14 hợp tác xã<sup>(23)</sup> tạm ngừng hoạt động hoặc đang

---

đạt 694,4 triệu USD tăng 18,6%; may mặc đạt 924 triệu USD tăng 29,1%; dệt vải, sợi đạt 274 triệu USD, tăng 9,6%; cơ khí, sắt thép bình ắc quy đạt 577 triệu USD, giảm 3,2%; sản phẩm gỗ đạt 70 triệu USD tăng 50%; sản phẩm điện tử, máy vi tính đạt 101 triệu USD tăng 50%; sản phẩm chất dẻo đạt 216 triệu USD tăng 90%.

tiền hành giải thể. Dự kiến trong giai đoạn 2019-2020 các hợp tác xã tạm ngừng hoạt động sẽ chuyển đổi hoặc giải thể. Số hợp tác xã thành lập mới 9 tháng đầu năm là 08 HTX, giải thể là 03 HTX. Doanh thu bình quân của hợp tác xã tăng đều qua các năm, doanh thu bình quân ước đạt 1.823 triệu đồng/ hợp tác xã, lợi nhuận ước đạt 140 triệu đồng/ hợp tác xã.

- *Liên hiệp hợp tác xã*: Hiện tỉnh có 4 liên hiệp hợp tác xã với tổng số 22 hợp tác xã thành viên, tổng vốn điều lệ là 3,7 tỷ đồng. Các liên hiệp hợp tác xã chủ yếu thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên kết sản xuất giữa các hợp tác xã thành viên và tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có 2 liên hiệp hợp tác xã còn đang hoạt động (Long An, Cần Đước), đã tạm ngừng hoạt động 2 liên hiệp hợp tác xã (Cần Giuộc, Tân Hưng).

- *Tổ hợp tác*: Toàn tỉnh có 1.582 tổ hợp tác với 28.890 thành viên, trong đó có 232 tổ hợp tác theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với 3.183 thành viên, 315 tổ hợp tác góp vốn mua phương tiện sản xuất với 3.273 thành viên, 558 tổ hợp tác giúp nhau trong cuộc sống với 10.061 thành viên các loại hình, tổ hợp tác khác là 387 tổ hợp tác với 6.842 thành viên. Doanh thu bình quân ước đạt 240 triệu đồng, lợi nhuận bình quân đạt 22 triệu đồng.

## **II. Về văn hóa - xã hội**

Các lĩnh vực văn hóa xã hội được tập trung thực hiện, các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; quy mô giáo dục trong tỉnh tiếp tục được sắp xếp, củng cố về mạng lưới trường, lớp và nâng cao về chất lượng hoạt động; vệ sinh an toàn thực phẩm, dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ. Các hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa nghệ thuật thể thao diễn ra phong phú, lành mạnh, tạo không khí vui tươi, phấn khởi, nghĩa tình trong cộng đồng. Các lễ hội tổ chức theo đúng quy định, tạo nét đặc sắc cho quê hương Long An, thu hút nhiều khách du lịch đến tham quan.

### *1. Giáo dục và đào tạo:*

Tiếp tục rà soát, quy hoạch mạng lưới trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh các cấp học; quy mô giáo dục trong tỉnh tiếp tục được sắp xếp, củng cố về mạng lưới trường, lớp và nâng cao về chất lượng hoạt động. Toàn tỉnh hiện có 600 cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông (giảm 12 đơn vị so với năm học trước)<sup>24</sup>. Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 trên địa bàn tỉnh diễn ra an toàn, đúng quy chế, tỉ lệ thí sinh đậu tốt nghiệp đạt 97,16%, giảm 2,06% so với năm 2019 (99,22%), xếp hạng 26/63 tỉnh, thành trong cả nước. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” và thực hiện nhiều giải pháp tích cực như gửi thư báo, đến nhà vận động học sinh ra lớp, trao học bổng từ các nhà hảo tâm trong chương trình “Tiếp sức đến

---

<sup>22</sup> gồm 159 HTX nông nghiệp, 4 HTX tiểu thủ công nghiệp, 1 HTX xây dựng, 19 HTX vận tải và 18 Quỹ tín dụng nhân dân, 3 HTX loại hình khác.

<sup>23</sup> gồm 7 HTX nông nghiệp, 2 HTX TTCN, 1 HTX xây dựng, 2 HTX vận tải, 1 Quỹ tín dụng nhân dân, 1 HTX loại hình khác.

<sup>24</sup> Cấp MG-MN tăng 03, Cấp học Tiểu học giảm 16, cấp học THCS giảm 08, cấp học TH&THCS tăng 05.

trường” tạo điều kiện để các em có hoàn cảnh khó khăn được đến trường<sup>25</sup>. Công tác giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên tiếp tục được triển khai rộng rãi, nhất là giải pháp phòng, chống bạo lực học đường.

Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo theo hướng đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo phục vụ công tác dạy học của nhà trường trong năm học mới; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới tiếp tục được duy trì, đạt tỷ lệ 49,18%<sup>26</sup>. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án nâng cao chất lượng cán bộ quản lý trường phổ thông giai đoạn 2012-2015 và đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Chương trình về phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2017 – 2020<sup>27</sup>. Tăng cường hội nhập, giao lưu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục; tiếp tục hợp tác với tổ chức Room To Read (Hoa Kỳ), Chương trình hỗ trợ và phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học, hợp tác với tổ chức Worldwide Orphans Foundation (Hoa Kỳ) thực hiện dự án “Chăm sóc toàn diện cho trường nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Long An”,...

## *2. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống y tế của ngành đặc biệt là mạng lưới y tế cơ sở. Trong 9 tháng đầu năm, không có trường hợp mắc cúm A/H5N1; một số bệnh có số ca mắc tăng so với cùng kỳ như: Bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, lao phổi, đại; một số bệnh có ca mắc giảm so với cùng kỳ gồm quai bị, thủy đậu, ho gà<sup>28</sup>. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tiếp tục được quan tâm. Từ đầu năm đến nay, xảy ra 2 vụ ngộ độc thực phẩm<sup>29</sup>; Tỷ lệ ngộ độc thực phẩm /100.000 dân là 1,066 (tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu của Cục An toàn thực phẩm giao là <7).

Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các thủ tục, quy trình khám chữa bệnh như thực hiện Đề án bệnh viện vệ tinh, Đề án 1816, chương trình hợp tác đào tạo chuyên gia kỹ thuật với tuyến trên. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện xã hội hóa Bệnh viện chuyên khoa Sản

---

<sup>25</sup> Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào Mẫu giáo đạt tỷ lệ 99,55%, huy động trẻ em 6 tuổi trên địa bàn tỉnh vào lớp 1 đạt 100%, học sinh được công nhận hoàn thành hết cấp tiểu học tuyển vào lớp 6 đạt 98,38%. Tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 10 là 96,51% so với chỉ tiêu giao.

<sup>26</sup> Cụ thể: Mầm non đạt 97/224 trường (tỷ lệ 43,30%), tiểu học đạt 116/207 trường (tỷ lệ 56,04%), THCS đạt 78/138 trường (tỷ lệ 56,52%), THPT đạt 10/43 trường (tỷ lệ 23,26%).

<sup>27</sup> Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III năm 2018 cho 578 giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi.

<sup>28</sup> Tính đến ngày 15/9, bệnh tăng so với cùng kỳ năm 2018: Bệnh sốt xuất huyết ghi nhận 4.270 ca, tăng 3,4 lần; có 1 ca tử vong, tăng 1 ca. Bệnh tay chân miệng 1.578 ca, tăng 17,4%; bệnh lao phổi 439 ca, tăng 14,3%. Bệnh đại ghi nhận ca mắc/ca chết là 1/1, tăng 1 ca..

<sup>29</sup> Tổng số người ăn 971 người, số mắc 18 người, số đi viện 18 người, không có trường hợp tử vong; tăng 1 vụ so với cùng kỳ (năm 2018: số người ăn, số người mắc, số người đi viện, số tử vong là 1.000/03/03/0).

nhi, dự kiến đi vào hoạt động cuối năm 2019; triển khai thực hiện Đề án xã hội hóa Trường Trung cấp Y tế. Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng là 7,5%. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 90,4%. Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh thấp hợp lý, giảm chênh lệch tỷ lệ giới tính khi sinh; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 0,573%.

### 3. Văn hóa, thể thao và du lịch

Thực hiện tốt các hoạt động thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các ngày lễ của đất nước và của tỉnh,... đến người dân<sup>30</sup>. Tổ chức nhiều chương trình văn nghệ, biểu diễn nghệ thuật cải lương, xiếc phục vụ nhiệm vụ chính trị trong và ngoài tỉnh<sup>31</sup>. Công tác xây dựng, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa được thực hiện: hoàn chỉnh phương án xây dựng Nhà trưng bày tại Khu công viên tượng đài Long An trung dũng kiên cường, toàn dân đánh giặc và Nhà lưu niệm Giáo sư Trần Văn Giàu tại ấp Hồi Xuân, xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành; Bảo tàng - Thư viện tỉnh bổ sung trưng bày hiện vật và tài liệu khoa học về thời kỳ tiền sử, sơ sử, thành tích đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Long An qua hai thời kỳ kháng chiến và mỹ thuật truyền thống.

Hoạt động thể dục thể thao tiếp tục được quan tâm, đầu tư. Tổ chức các trận thi đấu Giải Bóng đá hạng nhất Quốc gia, Giải Bóng đá hạng nhì Quốc gia trên sân vận động Long An và các Giải Cờ vua, Cầu lông, Bơi lội, Đá cầu các nhóm tuổi tỉnh... tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, họp mặt giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhân ngày Thể thao Việt Nam và Giải Việt dã “Chạy vì sức khỏe cộng đồng”,... Hoạt động phong trào thể dục thể thao cơ sở được triển khai thực hiện: trong toàn tỉnh tổ chức được 84 lớp hướng dẫn viên, năng khiếu thể thao và 232 giải thể thao với các môn Bóng đá, Bóng chuyền, Kéo co, Cờ tướng, Điền kinh, Cầu lông, Bơi lội, Quần vợt... Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên toàn tỉnh là 496.372 người, đạt 32.2%; số hộ gia đình thể thao là 94.536 hộ, đạt 23.4%; số học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, công trình giáo dục thể chất đạt 100% so với chỉ tiêu; số câu lạc bộ thể thao tiếp tục được duy trì là 1.151 câu lạc bộ.

---

<sup>30</sup> tuyên truyền cổ động về tổng điều tra dân số nhà ở, an toàn thực phẩm, phòng chống các tai tệ nạn xã hội, phòng chống dịch tả heo,...

<sup>31</sup> Tổ chức biểu diễn khoảng 65 cuộc văn nghệ quần chúng thông tin lưu động phục vụ nhân các sự kiện chính trị của tỉnh, thu hút gần 120.000 lượt người xem nhân dịp các ngày lễ, kỷ niệm của quê hương, đất nước hay tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, như: Chương trình văn nghệ tổng hợp trực tiếp truyền hình đón giao thừa tại Công viên thành phố Tân An; giao lưu văn hóa, văn nghệ với tỉnh SvâyRiêng – Campuchia tại huyện Vĩnh Hưng; chương trình văn nghệ phục vụ khai mạc các hoạt động văn hóa, du lịch tại khu du lịch Happyland mừng Xuân Kỷ Hợi năm 2019; Lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Bộ đội Biên phòng và 30 năm ngày biên phòng toàn dân; họp mặt Bí thư, Chủ tịch xã, phường, thị trấn; họp mặt tất niên Tỉnh ủy; tiếp đoàn đại biểu Campuchia đến thăm và chúc Tết lãnh đạo tỉnh; họp mặt văn nghệ sỹ trí thức, họp mặt Hội đồng hương tại thành phố Hồ Chí Minh; thăm và chúc tết lực lượng vũ trang và các đơn vị làm nhiệm vụ ở tuyến biên giới; ...

Theo dõi, đôn đốc các nhà đầu tư triển khai và đẩy nhanh tiến độ các dự án: Khu vui chơi giải trí Happyland, Vườn thú Mỹ Quỳnh, Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười, Khu văn hóa đa năng ngoài công lập Làng nổi Tân Lập, Khu văn hóa đa năng ngoài công lập Láng Sen, Lâm viên Thanh niên... Tổ chức chương trình Hội Xuân Văn hóa - Du lịch Happyland 2019, Chương trình Hội ngộ Kỷ lục gia Việt Nam lần thứ 38 – Hành trình Bách niên trường thọ năm 2019 với chủ đề “Hiếu nghĩa đoàn viên” tại Khu phức hợp giải trí Khang Thông (Happyland). Trong 9 tháng đầu năm 2019, khách du lịch đến Long An ước khoảng 1.520.000 lượt người, tăng 70% so với cùng kỳ, trong đó khách quốc tế ước đạt 18.000 lượt người; doanh thu ước đạt 630 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ.

#### *4. Công tác lao động - thương binh và xã hội*

Từ đầu năm 2019, tuyển sinh đào tạo 18.896 lao động, đạt 84,65% kế hoạch, đã giải quyết việc làm cho 30.768 lao động, đạt 102,56% kế hoạch, giải quyết bảo hiểm thất nghiệp cho 16.109 người, số tiền chi trợ cấp thất nghiệp 244,2 tỷ đồng góp phần giảm bớt khó khăn, ổn định cuộc sống và giúp người lao động tìm việc làm mới. Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh tính đến đầu tháng 9 năm 2019 là 9.092 hộ trên tổng số 410.516 hộ dân, chiếm tỷ lệ 2,21%; tổng số hộ cận nghèo là 14.008 hộ trên tổng số 410.516 hộ dân, chiếm tỷ lệ 3,41%. Tăng cường các hoạt động dành cho người có công; tổ chức đoàn đi thăm, tặng quà các đồng chí thương binh nặng điều dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng thương binh và người có công Long Đất, Nhị Thành, Trung tâm Công tác xã hội Long An, Trường Khuyết tật, Hội Người mù; tổ chức Đoàn công tác đi trao đổi, thống nhất kế hoạch phối hợp thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ Việt Nam hi sinh ở Capuchia<sup>32</sup>. Công tác bảo trợ xã hội được thực hiện thường xuyên<sup>33</sup>. Tiếp tục thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn<sup>34</sup>. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới được quan tâm thực hiện; triển khai kế hoạch Tháng hành động vì trẻ em, kế hoạch tổ chức Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh năm 2019; kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới năm 2019. Thường xuyên tổ chức trao học bổng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trẻ em bị bệnh hiểm nghèo<sup>35</sup>.

#### *5. Thông tin và truyền thông*

Công tác đảm bảo an toàn các hệ thống thông tin của tỉnh được quản lý, theo dõi chặt chẽ. Công tác trao đổi văn bản điện tử, sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử trong nội bộ và giữa các cơ quan nhà nước đạt

---

<sup>32</sup> Với số tiền 778,5 triệu đồng.

<sup>33</sup> Toàn tỉnh có 57.532 đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng, kinh phí 134.671,410 triệu đồng và được cấp BHYT; trợ cấp đột xuất cho 53 trường hợp, kinh phí 184 triệu đồng.

<sup>34</sup> Cấp thẻ BHYT cho 20.228 người thuộc hộ nghèo và 39.897 người thuộc hộ cận nghèo.

<sup>35</sup> Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh tặng 4.000 phần quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi, số tiền 1,2 tỷ đồng; trao học bổng và xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

90,6% (kế hoạch là 85%); tỷ lệ văn bản đi được ký số đạt 80,6%, tăng 43,6% so với cùng kỳ; tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết đúng hạn trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đạt 98%, tăng 3% so với cùng kỳ (kế hoạch 95%). Hoàn thành triển khai mở rộng kênh Zalo “Chính quyền điện tử” tích hợp vào phần mềm Hệ thống một cửa điện tử tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, 15 Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Văn phòng ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh và 3 Sở<sup>36</sup>. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyên phát, viễn thông, internet và truyền hình trên địa bàn tỉnh luôn đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, củng cố cơ sở vật chất, mạng lưới thông suốt đáp ứng nhu cầu của mọi tầng lớp nhân dân. Các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở của tỉnh đã thực hiện thông tin tuyên truyền đúng định hướng, kịp thời truyền tải thông tin đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của nhân dân. Trong đó, tập trung tuyên truyền tình hình phát triển kinh tế - xã hội và những sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn, các hoạt động phục vụ lễ, Tết, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông, công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

### **III. Lĩnh vực môi trường, khoa học công nghệ**

1. Tiếp tục triển khai nghiên cứu việc đầu tư xây dựng Khu xử lý rác thải đảm bảo đủ công suất xử lý rác thải trên địa bàn toàn tỉnh; ban hành Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 về việc thông qua đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/10.000 Khu Công nghệ môi trường xanh. Kiểm tra, đôn đốc hoàn thành hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Hoàng Gia; hiện công ty đang xây dựng các tuyến đường thu gom nước thải để dẫn nước thải của các đơn vị thứ cấp đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Ban hành Kế hoạch thu gom và xử lý 100% rác thải trên địa bàn tỉnh, đang tiến hành triển khai thực hiện. Công tác kiểm tra, xử lý trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường được tập trung thực hiện; tiến hành 10 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực đất đai đối với 20 tổ chức, với số tiền xử phạt là 64 triệu đồng; 17 cuộc thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với 19 tổ chức, với số tiền xử phạt là 3,75 tỷ đồng; 04 cuộc thanh tra, kiểm tra lĩnh vực đất đai kết hợp bảo vệ môi trường đối với 17 cá nhân và 18 tổ chức; 07 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 15 tổ chức, với số tiền xử phạt là 1,35 tỷ đồng.

2. Ban hành Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện đánh giá chỉ số tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2015-2018, Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện xác định chỉ số tăng năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) của tỉnh Long An giai đoạn 2015-2018, Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và đổi mới công nghệ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Long An. Hoàn chỉnh Đề án “Trung tâm công nghệ sinh học vùng Đồng tháp Mười tại Long An”. Tiếp tục thẩm định quản

---

<sup>36</sup> Sở TTTT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ

lý công nghệ trên địa bàn tỉnh; thẩm định 105 dự án đầu tư, kết quả 03 dự án có công nghệ tiên tiến, 70 dự án có công nghệ trung bình tiên tiến, 32 dự án có trình độ trung bình.

#### **IV. Công tác quốc phòng, an ninh, nội chính**

Công tác quốc phòng, an ninh được duy trì, ổn định về an ninh, trật tự và an toàn xã hội trong nội địa, ngoại biên. Tội phạm xâm phạm TTXH: Tăng 0,47% so với cùng kỳ<sup>37</sup>. Tai nạn giao thông: Đường bộ tăng 2,1% so với cùng kỳ<sup>38</sup>; đường thủy: 3 vụ (giảm 40% so cùng kỳ): chết 3/6 người.

Tình hình khác có liên quan ANTT: Xảy ra 10/10 vụ cháy, thiệt hại tài sản 10,015 tỷ đồng. Nguyên nhân: do chập điện 8 vụ; không đảm bảo an toàn kỹ thuật 2 vụ. Điều tra làm rõ 382/418 vụ xâm phạm trật tự an toàn xã hội (đạt 91,38%). Bắt xử lý 603 đối tượng. Thu hồi tài sản 7,266 tỷ đồng. Trong đó tỷ lệ điều tra khám phá án nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 97,29% (108/111 vụ).

Triển khai quyết liệt các giải pháp về chống buôn lậu; củng cố, điều chỉnh phương án chống buôn lậu tại các địa bàn trọng điểm; rà soát, lập hồ sơ số đối tượng chủ mưu, cầm đầu các đường dây, tổ chức buôn lậu, buôn bán hàng cấm để có kế hoạch giám sát, xác lập chuyên án đấu tranh; phát hiện bắt giữ nhiều vụ buôn lậu, vận chuyển, buôn bán hàng cấm với số lượng lớn. Phát hiện, bắt giữ 508 vụ buôn lậu, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm, hàng hóa nhập lậu<sup>39</sup>.

Bắt 82 vụ 128 đối tượng mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy<sup>40</sup>. Lĩnh vực môi trường: Phạt 76 vụ, 80 đối tượng (62 cá nhân; 18 tổ chức)<sup>41</sup>.

---

<sup>37</sup> Xảy ra 418/420 vụ (tăng 0,47% so với cùng kỳ), chết: 33/16 người, bị thương: 48/45 người, thiệt hại tài sản: 12,547 tỷ đồng. Trong đó: Giết người cướp tài sản 3/2 vụ; Giết người 26/14 vụ; Cố ý gây thương tích 36/32; Hiếp dâm, cướp tài sản 1/0 vụ; Hiếp dâm 2/2 vụ; Làm rõ 2 vụ, bắt khởi tố 02 đối tượng; Hiếp dâm người dưới 16 tuổi 7/9 vụ; Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục đối với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi 15/12 vụ; Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi 2/2 vụ; Bắt người trái pháp luật 2/1 vụ; Cướp tài sản 16/9 vụ; Cưỡng đoạt tài sản 1/4 vụ; Vô ý làm chết người 1/0 vụ; Cướp giật tài sản 21/13 vụ; Trộm cắp tài sản: 213/215 vụ; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 10/18 vụ; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 7/17 vụ; Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản 8/9 vụ; Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản 1/0 vụ; Chống người thi hành công vụ 7/8 vụ; Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 33/19 vụ; Chứa mại dâm 2/5 vụ; Gây rối trật tự công cộng 1/1 vụ; Xúc phạm Quốc kỳ 1/0 vụ; Tàng trữ vũ khí thô sơ trái phép 1/0 vụ; Che dấu tội phạm 1/0 vụ

<sup>38</sup> Xảy ra 145/142 vụ (tăng 2,1% so cùng kỳ), chết 108/107 người (tăng 0,9% so cùng kỳ), bị thương 136/113 người (tăng 20,35% so với cùng kỳ), hỏng 88 xe ô tô, 178 xe mô tô, thiệt hại tài sản 3,86 tỷ đồng

<sup>39</sup> Thu giữ 1.189.328 bao thuốc lá ngoại và một số hàng hóa khác trị giá khoảng 13 tỷ đồng đồng, tạm giữ 358 phương tiện vận chuyển các loại, lập hồ sơ xử lý 86 đối tượng. Bắt 30 đối tượng có quyết định truy nã. Triệt xóa 116 tụ điểm cờ bạc, mại dâm, lập hồ sơ xử lý 599 đối tượng.

<sup>40</sup> thu giữ 6999,979 gam heroin; 22315,8457 gam Methamphetamine; 39786,725 gam Ketamine, 3500,3 gam MDMA; 0,1797 gam Nimetazepaam; 131,2931 gam Cần Sa và 118,747 triệu đồng; đưa 182 đối tượng vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc; mời làm việc, răn đe, cảnh cáo giáo dục 199 đối tượng.

<sup>41</sup> với số tiền 3,625 tỷ đồng (hủy hoại nguồn lợi thủy sản 39 vụ, 43 đối tượng, số tiền 112; ô nhiễm môi trường 26 vụ, 26 đối tượng, số tiền 3,26 tỷ; khai thác khoáng sản trái phép 03 vụ, 03 đối tượng với số tiền 21 triệu đồng; vệ sinh an toàn thực phẩm 08 vụ, 08 đối tượng, số tiền 223,95 triệu đồng).

Lực lượng phòng, chống tội phạm tổ chức tuần tra 11.889 lượt, bắt 165 vụ, 219 đối tượng.

Kiểm tra hành chính: 5.036 lượt cơ sở, phát hiện lập biên bản xử lý 1.215 trường hợp vi phạm (Lưu trú 948 trường hợp; kinh doanh có điều kiện 267)<sup>42</sup>. Lực lượng tuần tra phòng chống tội phạm tổ chức tuần tra công khai, kết hợp tuần tra mật phục, chốt chặn kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn, răn đe đối tượng có biểu hiện manh động, liều lĩnh đang chuẩn bị thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Tuần tra kiểm soát trật tự an toàn giao thông phát hiện xử lý 35.229 trường hợp vi phạm<sup>43</sup>. Phát động phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm 957 cuộc, có 40.752 người dự<sup>44</sup>.

Tập trung tổ chức đối thoại và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Tiếp thường xuyên: Các ngành, các cấp tiếp: 3.462 lượt, 3.702 người. Tiếp định kỳ và đột xuất của Lãnh đạo: 990 lượt, 1.197 người (trong đó thủ trưởng tiếp 640 lượt, 649 người). Số vụ việc: 4.452 (chuyển sang 421; mới phát sinh 4.031). So với cùng kỳ, số lượt tiếp công dân giảm 4,2 % (9 tháng đầu năm 2018 là 4.649 lượt). Số đoàn đông người: 14 đoàn với 227 người.

Đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiếp nhận: 3.165 đơn, so với cùng kỳ giảm 20,3% (9 tháng đầu năm 2018: 3.971 đơn). Trong đó, đơn khiếu nại, tố cáo: 911 đơn; đơn kiến nghị phản ánh: 2.254 đơn.

Tiếp tục triển khai kế hoạch phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019; thường xuyên kiểm tra đôn đốc các ngành và địa phương có kế hoạch thực hiện nghiêm túc.

## V. Công tác cải cách hành chính

Tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch công tác CCHC năm 2019 của tỉnh (Quyết định số 5026/QĐ-UBND ngày 28/12/2018) với 07 nội dung và 49 nhiệm vụ, tỉnh đã tổ chức thực hiện hoàn thành 28/49 nhiệm vụ (trong đó 17

---

<sup>42</sup> Bắt 01 vụ SXHG; 03 vụ sang chiếc gas trái phép; bắt 06 vụ, 06 đối tượng cho vay lãi nặng, tạm giữ 01 laptop chứa dữ liệu số người vay tiền, 59 hồ sơ cho vay, 02 thùng giấy đựng danh thiếp; 01 sổ ghi nợ; 11 hồ sơ nghi vấn cho vay 07 giấy CMND, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 05 danh sách ghi người vay tiền. Thu giữ 23 máy games điện tử; 05 súng tự chế; 260 viên pháo; 22 mã tấu; 09 gậy 3 khúc; 15 tuýt sắt; 12 dao; 01 kiếm; 01 bình xịt hơi cay; 01 roi điện; 02 cây đao; 01 lưỡi lê; 2 viên đạn súng AK; 779 hộp mỹ phẩm; 1.010 bình gas các loại, 1.387 vỏ gas mini, 02 bộ dụng cụ san chiếc gas; 01 súng K54 cùng 24 viên đạn do dân giao nộp.

<sup>43</sup> phạt 41,187 tỷ đồng; tước GPLX 3.242 trường hợp. Trong đó đường thủy nội địa phát hiện 1.564 trường hợp vi phạm, phạt 3,398 tỷ đồng.

<sup>44</sup> Phối hợp Công ty Viễn thông Long An thực hiện 01 đợt, gửi 396.000 tin nhắn đến các thuê bao di động trên địa bàn tỉnh có nội dung kêu gọi người dân nâng cao cảnh giác phòng chống tội phạm, phòng ngừa tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ; phát hành 500 quyển bản tin, in dán 1.500 tờ decan tuyên truyền và hướng dẫn phòng, chống tội phạm... thông qua công tác tuyên truyền, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh, ý thức phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trong đoàn viên, hội viên và nhân dân được nâng lên, góp phần kiềm chế tội phạm và vi phạm pháp luật, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại cơ sở; nhân dân đã cung cấp 632 nguồn tin tố giác tội phạm, trong đó 180 nguồn tin có giá trị, giúp lực lượng Công an bắt, xử lý nhiều đối tượng vi phạm pháp luật



nhệm vụ hoàn thành 100%, 11 nhệm hoàn thành theo phân kỳ), đạt tỷ lệ 57,17% theo kế hoạch.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC và kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2019 (Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 07/3/2019). Theo đó, đến nay đã phối hợp Tổ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh thực hiện kiểm tra đối với 16/53 đơn vị, đạt 30,18% theo kế hoạch, tỉnh tiếp tục thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC để tiếp tục kiểm tra các đơn vị còn lại theo kế hoạch. Riêng các đơn vị không có trong kế hoạch kiểm tra 2019 thì tự kiểm tra theo nội dung quy định, gửi báo cáo về UBND tỉnh. Qua kiểm tra, Đoàn có biên bản và thông báo cho từng đơn vị được kiểm tra, nêu rõ ưu điểm, tồn tại, hạn chế và kiến nghị hướng khắc phục trong thời gian tới.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 02/02/2018 triển khai thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Đề án của Tỉnh ủy, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Long An theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII). Đến nay, đối với cấp xã thực hiện bố trí kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách, trung bình chung của tỉnh giảm 53,37% tương ứng giảm 2.073 người so với quy định. Đối với ấp, khu phố bố trí chức danh ở ấp, khu phố giảm 2.218 người, tương ứng giảm 37,21%.

Toàn tỉnh có 100% cơ quan hành chính và các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bao gồm: Cấp tỉnh có 02/19 sở, ngành tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (có 17 sở, ngành và Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh); cấp huyện có 15/15 Trung tâm Hành chính công cấp huyện; cấp xã có 192/192 UBND cấp xã.

Công tác chỉ đạo điều hành trong thực hiện nhệm vụ CCHC tiếp tục được đẩy mạnh, vai trò trách nhệm người đứng đầu được nâng lên. Trên cơ sở kế hoạch CCHC năm 2019 của tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã chủ động cụ thể hóa thành kế hoạch của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành các nhệm vụ CCHC theo tiến độ đề ra và đảm bảo tình thống nhất trong toàn tỉnh; tiếp tục tăng cường kiểm tra công vụ nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhệm của CBCCV trong thực thi nhệm vụ; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoạt động ổn định, phục vụ tốt nhu cầu thực hiện TTHC của người dân, doanh nghiệp.

## **VI. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực như trên, nhưng tình hình kinh tế xã hội của tỉnh trong 9 tháng đầu năm vẫn còn những tồn tại, hạn chế, cụ thể như:

- Sản xuất nông nghiệp chưa ổn định và bền vững, dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi còn diễn biến phức tạp, dịch tả heo Châu Phi phát bệnh hầu hết các địa phương trong tỉnh, làm ảnh hưởng đến giá heo và sức mua của thị trường. Tình hình tiêu thụ nông sản còn khó khăn, chưa ổn định, giá các nông sản như

lúa, mía, chanh,...thấp hơn so với cùng kỳ. Tình hình chuyển đổi tự phát sang ương nuôi cá tra giống hiệu quả không ổn định và nguy cơ ô nhiễm môi trường. Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tuy đã đạt được kết quả bước đầu, tuy nhiên trong triển khai thực hiện còn khó khăn như việc liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm trong một số mô hình vẫn còn tình trạng không tuân thủ hợp đồng liên kết, ảnh hưởng đến việc nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; ý thức người dân trong việc sản xuất sản phẩm sạch, an toàn còn hạn chế; một số Tổ hợp tác, Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động còn yếu về năng lực quản lý, khoa học kỹ thuật, tài chính, đặc biệt 04 Hợp tác xã điểm.

- Thu hút đầu tư chưa đạt yêu cầu, đa số các dự án quy mô đầu tư nhỏ. Quỹ đất sạch để cho thuê ở các khu, cụm công nghiệp còn ít, giá cho thuê cao, trong khi tiến độ đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đã có chủ trương còn chậm ảnh hưởng đến khả năng thu hút đầu tư. Công tác đo đạc, chỉnh lý biên độ đất đai, kê biên, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư chưa có nhiều chuyển biến. Tiến độ đầu tư công chưa đạt yêu cầu đề ra, một số chủ đầu tư có khối lượng thực hiện và giải ngân còn thấp so với kế hoạch; công trình Đường Vành đai thành phố Tân An và Trục động lực Thành phố Hồ Chí Minh – Long An – Tiền Giang tiến độ còn chậm. Công tác quản lý đất đai, trật tự đô thị, bảo vệ hành lang an toàn giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường, giải quyết vấn đề rác thải trong sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, rác thải sinh hoạt chưa tốt. Các chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch được thực hiện nhiều nhưng hiệu quả chưa cao. Xuất khẩu mặt hàng gạo, điều còn khó khăn do nhu cầu một số thị trường có giảm lại như Trung Quốc, Indonesia, giá cả nông sản không ổn định; đồng thời các quy định của thị trường khắt khe hơn nhất là thị trường Trung Quốc. Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại còn diễn biến tiềm ẩn phức tạp.

- Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhất định: Việc huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực văn hóa – xã hội có mặt còn hạn chế, tiến độ triển khai còn chậm. Chất lượng giáo dục toàn diện còn có những mặt hạn chế, nhất là giáo dục đạo đức, kỹ năng sống; công tác hướng nghiệp chưa được chú trọng, hiệu quả chưa cao; công tác phân luồng sau trung học cơ sở và định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông chậm đổi mới; quy mô giáo dục ngoài công lập chưa phát triển so với yêu cầu. Tình trạng bệnh viện đa khoa tỉnh quá tải chưa khắc phục được, xã hội hóa còn chậm, hiệu quả hoạt động các cơ sở y tế chưa được phát huy đúng mức. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa sâu rộng, tuyên truyền trực quan còn yếu, nhất là những vấn đề bức xúc, dư luận quan tâm.

- Cải cách hành chính chưa thật sự tốt, thời gian có cải tiến nhưng còn kéo dài. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa thật sự đồng bộ, thông suốt; chưa nhất quán trong lãnh đạo, chỉ đạo đến việc tổ chức thực hiện; tình trạng thiếu nhiệt tình trong hướng dẫn, gây khó khăn trong giải quyết hồ sơ hành chính vẫn còn.

- An ninh trật tự có mặt chưa đảm bảo, nhất là khu vực tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp; tội phạm trật tự, xã hội xảy ra nhiều; tình trạng trộm cắp, cướp giật, băng nhóm gây rối ở nông thôn có lúc chưa được phát hiện, ngăn chặn hiệu quả; hoạt động vận chuyển, mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy có xu hướng tăng. Tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp, đình công, lãn công vẫn còn xảy ra. Tai nạn giao thông có giảm nhưng chưa cơ bản. Công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả,... còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

### **C. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

Trong 3 tháng cuối năm 2019, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các sở ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Thủ trưởng Sở ngành, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố:

- Tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ tại Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 về ban hành chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019 và các nhiệm vụ khác được UBND tỉnh giao.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu kinh tế của tỉnh và tái cơ cấu ngành, lĩnh vực; tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019, phấn đấu vượt chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra, phấn đấu đạt mức tăng trưởng khoảng 10% (kế hoạch 9,6%).

- Đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư trên địa bàn tỉnh theo đúng tinh thần Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 720-KL/TU; định kỳ ngày 20 hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất để UBND tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời; nhất là đối với các công trình Đường tỉnh 830 (đoạn Bến Lức - Cảng Long An) và đường vành đai thành phố Tân An.

- Đẩy mạnh thực hiện các 02 chương trình đột phá và 03 công trình trọng điểm tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; trong đó khởi công Đường vành đai đoạn từ Đường tỉnh 827 đến Quốc lộ 1A; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đường tỉnh 830 (đoạn Bến Lức - Cảng Long An); lập quy hoạch Trục động lực Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang.

- Khẩn trương triển khai việc lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở, ngành và Đơn vị tư vấn khẩn trương thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh hiệu quả, chất lượng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch trong tháng 10/2019.

#### *2. Về Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục theo dõi, thông tin kịp thời về thời tiết, khí hậu, thủy văn; theo dõi tình hình lũ đến muện; chủ động ứng phó kịp thời khi có thiên tai, dịch*

bệnh trên cây trồng, không để xảy ra trên diện rộng. Tập trung sản xuất vụ lúa hè thu 2019 và gieo sạ có hiệu quả vụ lúa thu đông 2019-2020; chú trọng duy trì và phát triển các cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao và có sản lượng lớn. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; tập trung thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch tả heo Châu Phi. Tập trung theo dõi chặt chẽ tình hình nuôi tôm các huyện vùng hạ, khuyến cáo người dân về việc nuôi cá tra bột ở các huyện vùng Đồng Tháp Mười, hướng dẫn người dân chuyển đổi vật nuôi khác hiệu quả hơn. Tiếp tục triển khai hiệu quả các “*Cánh đồng lớn*”; thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, người dân để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tiếp tục tuyên truyền, huy động nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng nông thôn mới đảm bảo tiến độ đề ra, bảo đảm đúng thực chất của từng tiêu chí, đồng thời củng cố nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt. Tiếp tục thực hiện *Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo kế hoạch*, tập trung xây dựng các Hợp tác xã điểm trên 03 cây và 01 con gắn với việc tăng cường khuyến cáo, vận động, hướng dẫn người dân tổ chức sản xuất theo mô hình, Hợp tác xã điểm, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và tuân thủ các cam kết, hợp đồng với doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm đầu ra.

Tập trung quyết liệt các giải pháp nâng cao tỷ lệ nước sạch trên địa bàn tỉnh; tiếp tục theo dõi, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đầu tư các dự án cấp nước sinh hoạt cho vùng hạ huyện Cần Đước, Cần Giuộc; đạt ít nhất 40% tỷ lệ nước sạch trong năm 2019.

### 3. Về Công nghiệp - Xây dựng

a) *Sở Công Thương* chủ trì tiếp tục theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hỗ trợ giải quyết khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh nhằm kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ những vướng mắc khó khăn của các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất, góp phần tăng trưởng khu vực công nghiệp xây dựng vượt kế hoạch đề ra 15% (kế hoạch 14,7%). Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp để đảm bảo ít nhất có thêm 03 cụm công nghiệp mới đi vào hoạt động trong năm 2019 theo kế hoạch gồm Vinh Khang, Vissan, Sao Vàng; tham mưu UBND tỉnh cấp chủ trương đầu tư các cụm công nghiệp còn lại. Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương của tỉnh.

Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án điện năng lượng mặt trời và đôn đốc tiến độ thi công các công trình điện phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2019.

b) *Sở Kế hoạch và Đầu tư* chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tiếp tục thực hiện công tác quản lý, giám sát chặt chẽ đầu tư công theo đúng qui định của pháp luật; kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc và giải ngân kịp thời các nguồn vốn đầu tư đã giao trong năm 2019.

- *Các ngành, UBND cấp huyện* tập trung triển khai kế hoạch vốn năm 2019 đã giao, bảo đảm tiến độ nhanh hơn; triển khai chấn chỉnh công tác đầu

thầu, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả theo đúng qui định của pháp luật, đẩy mạnh thực hiện đấu thầu qua mạng, đảm bảo đạt tỷ lệ đã được đề ra.

c) *Sở Xây dựng* tập trung kiểm tra, đôn đốc đầu tư hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hoàn thành trong năm 2019 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết HĐND tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch Trục động lực Tiền Giang-Long An-Thành phố Hồ Chí Minh; Đồ án quy hoạch xây dựng Khu liên hợp văn hóa, thể thao tỉnh; Quy hoạch chung Quốc lộ 1 đoạn Thủ Thừa - Bến Lức; qui hoạch các khu dân cư, đô thị, công nghiệp của các nhà đầu tư Vsp, Vingroup, Ecoland,... theo chủ trương của UBND tỉnh.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh.

d) *Sở Giao thông vận tải* chủ trì, tiếp tục kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện giá vé, giá cước, đảm bảo tải trọng và an toàn kỹ thuật đối với phương tiện theo đúng quy định; phối hợp thực hiện các giải pháp góp phần bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, hạn chế tai nạn giao thông xảy ra. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm việc lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè, vi phạm an toàn giao thông đường bộ, đường thủy trên địa bàn.

đ) Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các sở ngành tỉnh và địa phương chịu trách nhiệm rà soát, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, khu kinh tế; để đảm bảo ít nhất có thêm 03 khu công nghiệp mới đi vào hoạt động trong năm 2019, gồm các khu công nghiệp: Đông Nam Á, Long Hựu 3, DNN Tân Phú, IDICO.

e) *Các ngành, UBND các cấp* tiếp tục tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành của các sở, ngành tỉnh và thanh tra của các huyện, thị xã, thành phố nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề sai phạm. Chủ động phối hợp rà soát, đề xuất xử lý dự án đầu tư chậm, không thực hiện; phối hợp thực hiện quyết liệt trong việc quản lý, xử lý đối với các dự án không phép. Kiểm tra, rà soát lại đất công trên địa bàn để có kế hoạch, giải pháp quản lý chặt chẽ, không để tình trạng người dân lấn chiếm đất công, gây dư luận không tốt. Quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ tích cực để các nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án lớn, trọng điểm tại các huyện Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc; tạo điều kiện thuận lợi để các dự án điện mặt trời đã có chủ trương đầu tư triển khai thực hiện.

#### 4. Về Thương mại dịch vụ

- *Sở Công Thương* chủ trì tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng thương hiệu hàng hóa của tỉnh. Kết nối, định hướng xuất khẩu sản phẩm chủ lực của tỉnh, bằng đường chính ngạch, chú trọng mở rộng thị trường trong nước, đặc biệt là tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, giá cả trong nước, kịp thời thông tin, dự báo tình hình thị trường đến cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp, người dân để có biện pháp giải quyết kịp thời..

- *Cục quản lý thị trường* chủ trì tiếp tục tăng cường phối hợp kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và tiêu thụ hàng giả trên địa bàn tỉnh.

- *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch* chủ trì, phối hợp đẩy nhanh tiến độ thực hiện xã hội hóa các khu di tích, du lịch trên địa bàn tỉnh.

#### 5. Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

a) *Sở Kế hoạch và Đầu tư* chủ trì, tiếp tục theo dõi, đôn đốc, triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, trong đó tập trung kiểm tra đôn đốc thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2019 gắn với thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số về cải cách hành chính của tỉnh. Chủ trì triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của tỉnh năm 2019.

Duy trì triển khai thực hiện có hiệu quả quy định trình tự thủ tục tiếp nhận quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai nhanh dự án trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là dự án của các nhà đầu lớn như dự án Khu phức hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Becamex VSIP Long An tại huyện Bến Lức,.. Theo dõi, đôn đốc và báo cáo tiến độ triển khai các dự án Nhà máy điện mặt trời, các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công tác lập và kịp thời thông qua quy hoạch xây dựng các dự án của Tập đoàn Vingroup, Econland và các dự án lớn khác về dân cư, đô thị, tái định cư,... kịp thời báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo xử lý, giải quyết kịp thời các tồn đọng, vướng mắc.

Tiếp tục đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các sở, ngành, nhà đầu tư thực hiện Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư. Tập trung xử lý các vướng mắc về giải phóng mặt bằng, kiểm tra các dự án đã giao, cho thuê đất nhưng chậm triển khai dự án, các dự án tái định cư. Tiếp tục giải quyết các vướng mắc trong nội bộ các khu, cụm công nghiệp. Tiếp tục triển khai thực hiện việc ký quỹ đối với các dự án đầu tư ngoài ngân sách sau khi được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) *Thủ trưởng sở, ngành và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố:* Tăng cường triển khai thực hiện kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI; triển khai kế hoạch nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, nâng cao chỉ số PAPI.

#### 6. Về Tài chính - Tín dụng

- *Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh* chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện và quản lý điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Long An. Tích cực huy động

nguồn thu phát sinh, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, đáp ứng các yêu cầu chi cần thiết và triệt để tiết kiệm chi.

- *Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước* tỉnh tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát, giám sát các hoạt động ngành ngân hàng trên địa bàn tỉnh; chủ động giải quyết khó khăn về vốn cho doanh nghiệp, đảm bảo kiểm soát hoạt động tín dụng tiền tệ trên địa bàn theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Trung ương; kịp thời đề xuất xử lý các phát sinh vượt qui định đối với các tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt. Có giải pháp hiệu quả hơn về cung cấp vốn tín dụng cho khu vực nông nghiệp nông thôn và chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

#### *7. Về lĩnh vực tài nguyên môi trường*

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở ngành tỉnh và địa phương quyết liệt giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh, tạo sự chuyển biến thật sự về công tác giải phóng mặt bằng trong năm 2019. Tiếp tục quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Tiếp tục triển khai thực hiện qui hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt. Kiểm tra, kiểm soát, bảo vệ ổn định môi trường, phân đấu giải quyết tốt các điểm nóng về ô nhiễm môi trường đang tồn tại, nhất là phối hợp với Sở Công Thương hoàn thành hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hoàng Gia; tăng cường kiểm tra và kiên quyết xử lý dứt điểm theo đúng quy định của pháp luật đối với trường hợp chuyển nhượng đất đai, khai thác hầm đất trái phép trên địa bàn tỉnh.

#### *8. Về công tác thông tin truyền thông*

Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục hoàn thiện phần mềm tác nghiệp về thu hút đầu tư ngoài ngân sách; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đưa vào sử dụng hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền điện tử.

*9. Về lĩnh vực văn hóa – xã hội:* Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các kế hoạch, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 trên lĩnh vực văn hóa xã hội, tập trung các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu, chương trình mục tiêu quốc gia.

- *Sở Giáo dục và Đào tạo* chủ trì tiếp tục công tác xây dựng trường đạt chuẩn và huy động các nguồn lực đầu tư hệ thống trường, lớp học, nhất là tại các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm. Kiểm tra công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục. Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, nhất là giải pháp phòng, chống bạo lực học đường. Thực hiện Đề án chuyển Trường Cao đẳng Sư phạm Long An thành Chi nhánh của Trường Đại học Cần Thơ.

- *Sở Y tế* chủ trì tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhất là tuyến cơ sở. Tập trung kiểm soát và xử lý có hiệu quả các loại dịch bệnh nguy hiểm, không để lây lan; thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Theo dõi, đôn đốc thực hiện Đề án xã hội hóa Bệnh viện chuyên khoa sản nhi, đưa vào hoạt động cuối năm 2019; triển khai Đề án xã hội hóa Trường Trung cấp y tế Long An.

- *Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch* chủ trì tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phát huy và đẩy mạnh các phong trào tập luyện, thi đấu thể dục thể thao. Tổ chức các lễ hội, ngày kỷ niệm an toàn, tiết kiệm, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong nhân dân.

- *Sở Lao động Thương binh và Xã hội* chủ trì triển khai công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo theo nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra. Theo dõi, kiểm tra thực hiện tốt các chính sách cho người lao động trong doanh nghiệp, người có công, đối tượng chính sách, hộ nghèo, khó khăn góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Triển khai Đề án xã hội hóa Trường trung cấp Kỹ thuật Long An. Triển khai thực hiện đề án xuất khẩu lao động và các nội dung đào tạo nghề nước ngoài đã ký kết.

- *Sở Khoa học và Công nghệ* chủ trì tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

#### *10. Về cải cách hành chính, bộ máy*

Sở Nội vụ chủ trì, tiếp tục tập trung triển khai thực hiện Đề án 02 của Tỉnh ủy về sắp xếp tinh gọn bộ máy, biên chế. Triển khai thực hiện Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh; trong đó chú trọng: Tiếp tục đổi mới phương thức, lề lối làm việc, tăng cường ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân ở các ngành, UBND các cấp; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đề cao trách nhiệm giải trình, xử lý nghiêm vi phạm. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao của ngành, UBND các cấp, phải tạo sự chuyển biến trong thực thi công vụ, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực; người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải thật sự gương mẫu, nêu gương, điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ, đồng thời chủ động phối hợp với ngành, địa phương giải quyết các công việc phát sinh, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Tăng cường thanh tra, kiểm tra thực hiện chế độ công vụ, giảm tổ chức hội họp để tập trung giải quyết công việc và có thời gian đi cơ sở nắm tình hình để giải quyết công việc được kịp thời. Tăng cường công tác cải cách hành chính, xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cao chỉ số PCI, PAPI; đẩy nhanh tiến độ nhân rộng áp dụng ISO đến cấp xã và thực hiện ISO điện tử trên địa bàn tỉnh.

#### *11. Về an ninh quốc phòng và các nhiệm vụ khác*

Thủ trưởng Sở ngành và UBND cấp huyện thực hiện tốt các nhiệm vụ về an ninh, quốc phòng, nội chính, đối ngoại giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là bảo vệ chủ quyền tuyến biên giới. Kiểm tra, quản lý tốt công tác phòng cháy chữa cháy. Thực hiện các giải pháp quyết liệt đảm bảo trật tự an toàn giao thông, hạn chế tai nạn giao thông. Thực hiện phòng chống tham nhũng, tiết kiệm theo quy định, quán triệt cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính, kỷ luật lao động. Tập trung giải quyết các tệ nạn xã hội, chú ý tín dụng đen và tệ nạn ma túy. Tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch đã đề ra



Tiếp tục đơn đốc các ngành, địa phương thực hiện nghiêm Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 18/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “Về việc chấn chỉnh và tăng cường công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Long An” và Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 14/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “Về giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo”. Đơn đốc, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo không để tồn đọng, kéo dài. Tổ chức tốt công tác tiếp công dân theo định kỳ; giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định pháp luật

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 248/BC-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- VP Chính phủ (HN, TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP;
- Phòng THKSTTHC+KTTC+VHXH;
- Ban NC - TCD;
- Lưu: VT.

BC\_KTXH9thángnăm2019

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Cần**

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ UBND TỈNH**  
**GIAO CHO CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2019**  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2019 của UBND tỉnh)*

| TT  | Sở, ngành, địa phương  | Theo QĐ 177/QĐ-UBND |               |         |                 |         | Các văn bản khác |               |         |                 |         | Số NV Chưa hoàn thành trong hạn | Số NV Chưa hoàn thành quá hạn | Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành | Tỷ lệ nhiệm vụ chưa hoàn thành quá hạn |
|-----|------------------------|---------------------|---------------|---------|-----------------|---------|------------------|---------------|---------|-----------------|---------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------------|--|
|     |                        | Tổng nhiệm vụ       | Đã hoàn thành |         | Chưa hoàn thành |         | Tổng đầu việc    | Đã hoàn thành |         | Chưa hoàn thành |         |                                 |                               |                           |  |
|     |                        |                     | Đúng hạn      | Quá hạn | Trong hạn       | Quá hạn |                  | Đúng hạn      | Quá hạn | Trong hạn       | Quá hạn |                                 |                               |                           |  |
| (1) | (2)                    | (3)                 | (4)           | (5)     | (6)             | (7)     | (8)              | (9)           | (10)    | (11)            | (12)    | (13)                            | (14)                          |                           |  |
| 1   | Sở Kế hoạch và Đầu tư  | 30                  | 17            | 1       | 12              | 0       | 225              | 183           | 0       | 42              | 0       | 54                              | 0                             | 78,82%                    | 0,00%                                  |
| 2   | BQL Khu kinh tế        | 3                   | 3             | 0       | 0               | 0       | 152              | 116           | 0       | 36              | 0       | 36                              | 0                             | 76,77%                    | 0,00%                                  |
| 3   | BQL DA ĐTXD            | 0                   | 0             | 0       | 0               | 0       | 4                | 2             | 1       | 1               | 0       | 1                               | 0                             | 75,00%                    | 0,00%                                  |
| 4   | Công an tỉnh           | 1                   | 1             | 0       | 0               | 0       | 15               | 11            | 0       | 4               | 0       | 4                               | 0                             | 75,00%                    | 0,00%                                  |
| 5   | Cục Thuế               | 1                   | 1             | 0       | 0               | 0       | 0                | 0             | 0       | 0               | 0       | 0                               | 0                             | 100,00%                   | 0,00%                                  |
| 6   | Sở Tài chính           | 12                  | 6             | 1       | 5               | 0       | 382              | 345           | 2       | 35              | 0       | 40                              | 0                             | 89,85%                    | 0,00%                                  |
| 7   | Sở Công Thương         | 7                   | 4             | 0       | 3               | 0       | 130              | 98            | 0       | 32              | 0       | 35                              | 0                             | 74,45%                    | 0,00%                                  |
| 8   | Sở Giáo dục và Đào tạo | 3                   | 3             | 0       | 0               | 0       | 42               | 38            | 3       | 1               | 0       | 1                               | 0                             | 97,78%                    | 0,00%                                  |
| 9   | Sở Giao thông Vận tải  | 2                   | 1             | 0       | 1               | 0       | 131              | 116           | 0       | 15              | 0       | 16                              | 0                             | 87,97%                    | 0,00%                                  |
| 10  | Sở Khoa học và CN      | 6                   | 3             | 0       | 3               | 0       | 27               | 25            | 0       | 2               | 0       | 5                               | 0                             | 84,85%                    | 0,00%                                  |
| 11  | Sở LĐTB&XH             | 2                   | 0             | 0       | 2               | 0       | 119              | 106           | 4       | 9               | 0       | 11                              | 0                             | 90,91%                    | 0,00%                                  |
| 12  | Sở Ngoại vụ            | 3                   | 2             | 0       | 1               | 0       | 88               | 82            | 2       | 4               | 0       | 5                               | 0                             | 94,51%                    | 0,00%                                  |
| 13  | Sở Nội vụ              | 13                  | 9             | 0       | 4               | 0       | 284              | 255           | 0       | 29              | 0       | 33                              | 0                             | 88,89%                    | 0,00%                                  |
| 14  | Sở NN&PTNT             | 3                   | 1             | 0       | 2               | 0       | 83               | 64            | 0       | 19              | 0       | 21                              | 0                             | 75,58%                    | 0,00%                                  |
| 15  | Sở Tài Nguyên và MT    | 11                  | 3             | 0       | 8               | 0       | 162              | 128           | 0       | 34              | 0       | 42                              | 0                             | 75,72%                    | 0,00%                                  |
| 16  | Sở Thông tin và TT     | 4                   | 2             | 0       | 2               | 0       | 105              | 84            | 0       | 21              | 0       | 23                              | 0                             | 78,90%                    | 0,00%                                  |
| 17  | Sở Tư pháp             | 1                   | 1             | 0       | 0               | 0       | 57               | 57            | 0       | 0               | 0       | 0                               | 0                             | 100,00%                   | 0,00%                                  |
| 18  | Sở Văn hóa- TTDL       | 4                   | 3             | 1       | 0               | 0       | 159              | 134           | 20      | 5               | 0       | 5                               | 0                             | 96,93%                    | 0,00%                                  |
| 19  | Sở Xây dựng            | 10                  | 8             | 0       | 2               | 0       | 203              | 172           | 4       | 27              | 0       | 29                              | 0                             | 86,38%                    | 0,00%                                  |

|             |  |            |           |          |           |          |             |             |           |            |          |            |          |               |              |
|-------------|--|------------|-----------|----------|-----------|----------|-------------|-------------|-----------|------------|----------|------------|----------|---------------|--------------|
| 20          | Sở Y tế  | 4          | 2         | 0        | 2         | 0        | 11          | 10          | 0         | 1          | 0        | 3          | 0        | 80,00%        | 0,00%        |
| 21          | Thanh tra tỉnh                                     | 1          | 1         | 0        | 0         | 0        | 474         | 363         | 0         | 111        | 0        | 111        | 0        | 76,63%        | 0,00%        |
| 22          | Văn phòng  | 12         | 9         | 0        | 3         | 0        | 38          | 32          | 0         | 6          | 0        | 9          | 0        | 82,00%        | 0,00%        |
| 23          | UBND huyện Bến Lức                                 | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 473         | 459         | 6         | 8          | 0        | 8          | 0        | 98,31%        | 0,00%        |
| 24          | UBND huyện Cần Đước                                | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 358         | 354         | 0         | 4          | 0        | 4          | 0        | 98,88%        | 0,00%        |
| 25          | UBND huyện Cần Giuộc                               | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 370         | 303         | 1         | 66         | 0        | 66         | 0        | 82,16%        | 0,00%        |
| 26          | UBND huyện Châu Thành                              | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 615         | 561         | 0         | 54         | 0        | 54         | 0        | 91,22%        | 0,00%        |
| 27          | UBND huyện Đức Hòa                                 | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 209         | 168         | 25        | 16         | 0        | 16         | 0        | 92,34%        | 0,00%        |
| 28          | UBND huyện Đức Huệ                                 | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 51          | 50          | 0         | 1          | 0        | 1          | 0        | 98,04%        | 0,00%        |
| 29          | UBND TX Kiến Tường                                 | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 241         | 237         |           | 4          | 0        | 4          | 0        | 98,34%        | 0,00%        |
| 30          | UBND huyện Mộc Hóa                                 | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 65          | 51          | 0         | 14         | 0        | 14         | 0        | 78,46%        | 0,00%        |
| 31          | UBND huyện Tân Hưng                                | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 137         | 119         | 0         | 18         | 0        | 18         | 0        | 86,86%        | 0,00%        |
| 32          | UBND huyện Tân Thạnh                               | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 36          | 31          | 2         | 3          | 0        | 3          | 0        | 91,67%        | 0,00%        |
| 33          | UBND huyện Tân Trụ                                 | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 111         | 99          | 0         | 12         | 0        | 12         | 0        | 89,19%        | 0,00%        |
| 34          | UBND TP Tân An                                     | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 162         | 134         | 0         | 28         | 0        | 28         | 0        | 82,72%        | 0,00%        |
| 35          | UBND huyện Thạnh Hóa                               | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 72          | 70          | 0         | 2          | 0        | 2          | 0        | 97,22%        | 0,00%        |
| 36          | UBND huyện Thủ Thừa                                | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 98          | 75          | 1         | 22         | 0        | 22         | 0        | 77,55%        | 0,00%        |
| 37          | UBND huyện Vĩnh Hưng                               | 0          | 0         | 0        | 0         | 0        | 75          | 44          | 0         | 31         | 0        | 31         | 0        | 58,67%        | 0,00%        |
| 38          | <b>Nhiệm vụ chung của Sở Tài Chính và Cục Thuế</b> | 1          | 1         | 0        | 0         | 0        | 0           | 0           | 0         | 0          | 0        | 0          | 0        | 100,00%       | 0,00%        |
| <b>Tổng</b> |  | <b>134</b> | <b>81</b> | <b>3</b> | <b>50</b> | <b>0</b> | <b>5964</b> | <b>5176</b> | <b>71</b> | <b>717</b> | <b>0</b> | <b>767</b> | <b>0</b> | <b>87,42%</b> | <b>0,00%</b> |

### Kết quả chung

|                        | Tổng số      | QĐ177      |              | khác        |       |
|------------------------|--------------|------------|--------------|-------------|-------|
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>5.965</b> | <b>134</b> | 100%         | 5964        | 100%  |
| <b>Đã thực hiện</b>    | <b>5.331</b> | <b>84</b>  | 62,7%        | <b>5247</b> | 88,0% |
| Đúng hạn               | 5.257        | 81         | 60,4%        | 5176        | 98,6% |
| Trễ hạn                | 74           | 3          | 2,2%         | 71          | 1,4%  |
| <b>Chưa hoàn thành</b> | <b>767</b>   | <b>50</b>  | <b>37,3%</b> | <b>717</b>  | 12,0% |

Tổng số đơn vị hoàn thành trên 80%: 25/37